

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2020

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nghĩa;

2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc M - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: Ấp 1, xã MTĐ, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1976 - Địa chỉ: Ấp 1, xã MTĐ, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 02 năm 2020, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Lê Ngọc M trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Văn T cưới nhau năm 1996, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTĐ, ngày 16-12-1999; Quá trình chung sống đến tháng 6/2006 phát sinh mâu thuẫn do ông T có tính bạo hành gia đình, không tôn trọng vợ và gia đình bên vợ. Mỗi lần uống rượu về chửi mắng bà và cha mẹ bà, đánh đập bà vô cớ. Sự việc tái diễn kéo dài, mặc dù bà tìm nhiều cách hàn gắn mâu thuẫn nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, đã ly thân từ tháng 12/2019 đến nay.

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T;

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 15-11-1997 và Nguyễn Lê Thanh N, sinh ngày 05-01-2004, hiện đang sống với bà. Con chung tên H1 đã thành niên không yêu cầu giải quyết. Con chung tên N có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi, người còn lại không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt.

- Ngày 14-8-2020, bà Lê Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn là ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn T được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà M theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ông T không được quyền KH1 nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa, vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét về hôn nhân:

[5.1] Bà M và ông T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 16-12-1999 tại Ủy ban nhân dân xã MTĐ, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà M: Bà M không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh trình bày và yêu cầu của bà là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, xét bà M và ông T xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 12 năm 2019 đến nay (theo trình bày của bà M), hiện bà M và ông T vẫn tự mỗi người lo cho bản thân,

không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà M và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà M yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6] Về nuôi con chung:

[6.1] Bà M và ông T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 15-11-1997 và Nguyễn Lê Thanh N, sinh ngày 05-01-2004 (đang sống chung với bà M).

[6.2] Con chung tên H1 đã thành niên, bà M không yêu cầu giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6.3] Bà M yêu cầu con chung tên N có nguyện vọng theo ai người đó nuôi; Nguyên vọng con chung tên N muốn sống với bà M, chấp nhận cho bà M trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6.4] Ông T không có ý kiến về nuôi con chung nên không có căn cứ xem xét.

[6.5] Xét bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[6.6] Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà M và ông T được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không có ý kiến, nên không đề cập giải quyết; Nếu xảy ra tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Ngọc M được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Con chung là Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 25-01-1993, đã thành niên, không có yêu cầu, không đề cập giải quyết.

2.2. Bà Lê Ngọc M được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Lê Thanh N, sinh ngày 05-01-2004, đang sống chung với bà M, theo nguyện vọng của con chung.

2.3. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Lê Thanh N.

2.4. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà M và ông T được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí: Bà Lê Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004963 ngày 18-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, bà M đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MTĐ (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Vương